

KHOA HỌC HỆ THỐNG
và một số ý kiến về vấn đề cải tiến
QUẢN LÝ KINH TẾ HIỆN NAY

Phan Đình Diệu, 1981

Bài này gồm hai phần. Phần thứ nhất giới thiệu một số kiến thức cơ bản về khoa học hệ thống hiện đại, chủ yếu trình bày các quan điểm mà không đi sâu vào các vấn đề chuyên môn có tính chất toán học hoặc kỹ thuật. Những luận điểm cơ bản đó sẽ được sử dụng cho phần hai để thử phân tích một vài vấn đề trong thực tiễn quản lý kinh tế hiện nay và trình bày một số ý kiến đối với vấn đề cải tiến quản lý. Vì thiếu các số liệu thực tế và chưa có dịp để khảo sát cụ thể, nên những ý kiến nêu ra trong phần này chỉ có tính chất là những ý kiến sơ bộ, có tính chất góp ý để tham khảo. Đồng thời cũng xin nêu một vài kiến nghị đối với việc phát triển khoa học hệ thống và ứng dụng khoa học đó phục vụ các nhiệm vụ cải tiến quản lý của chúng ta hiện nay.

I. Khoa học hệ thống

1. Khoa học hệ thống là tên gọi chung cho một tập hợp nhiều bộ môn khoa học và kỹ thuật được phát triển mạnh mẽ trong vài chục năm gần đây có liên quan tới việc nghiên cứu, phân tích và xử lý các đối tượng khác nhau trong lĩnh vực tự nhiên, kỹ thuật, kinh tế xã hội “trên quan điểm hệ thống”, tức là quan điểm nhìn nhận các đối tượng như một toàn thể thống nhất các phần tử và các bộ phận liên kết với nhau trong một cấu trúc với một mối quan hệ nhất định. Chưa có một định nghĩa cho “khoa học hệ thống”, thậm chí cho bản thân khái niệm “hệ thống”. Tuy nhiên, mọi người đều thống nhất hiểu rằng “hệ thống” là một tập hợp gồm các phần tử liên kết với nhau trong mối quan hệ nhất định với những tính chất nhất định. Do đó, cái lõi cốt yếu của “quan điểm hệ thống”, hay “cách tiếp cận hệ thống” khi xem xét một đối tượng nào đó là phát hiện và phân tích các mối quan hệ và tính chất và các quan hệ đó giữa các yếu tố hay các chức năng của đối tượng. Các mối quan hệ ràng buộc các yếu tố, các bộ phận lại với nhau trong một cấu trúc, hay cơ cấu thống nhất; chúng tạo nên sự thống nhất giữa bộ phận và toàn thể của đối tượng, hay của hệ thống. Quan điểm hệ thống xem xét sự vật trong sự thống nhất của toàn thể và trong các mối liên hệ với nhau đã được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lê nin nêu lên thành luận điểm khoa học trong chủ nghĩa duy vật biện chứng về sự thống nhất vật chất của thế giới và sự tương quan giữa các sự vật trong thế giới hiện thực. Theo nghĩa đó, quan điểm hệ thống không phải hoàn toàn là cái gì mới, nó đã được sử dụng một cách tự giác trong các hoạt động lý luận và thực tiễn của những người mác-xít và cả của nhiều nhà khoa học khác. Vậy thì tại sao chỉ những năm gần đây người ta mới nói nhiều đến quan điểm hệ thống và khoa học hệ thống? Lý do là ở chỗ: tuy quan điểm hệ thống như kể trên đã có từ lâu, nhưng cũng từ lâu nó chỉ

mới là một cách nhìn đối với sự vật, và thường thông qua những phương pháp xem xét có tính chất trực giác và kinh nghiệm, do đó không có khả năng phân tích các mối quan hệ đa dạng trong các hệ thống phức tạp, và chúng khó phát hiện được các quy luật thể hiện bản chất sâu sắc của sự vận động của các mối quan hệ trong các hệ thống đó. Sự phát triển nhanh chóng của nhiều lĩnh vực khoa học và kỹ thuật trong mấy chục năm qua, đặc biệt là các ngành Toán học, khoa học thông tin và kỹ thuật tính toán điều khiển học và việc ứng dụng các khoa học đó trong sinh học, trong kỹ thuật, trong kinh tế - xã hội, v.v... đã tạo ra những khả năng mới ngày càng to lớn cho con người trong việc mô tả, phân tích và xử lý (đặc biệt là sự mô tả và phân tích một cách định lượng) các mối quan hệ trong các đối tượng phức tạp của thực tiễn, do đó làm quan điểm hệ thống có một sức mạnh mới trong việc nhận thức và cải tạo thế giới. Khoa học hệ thống hiện đại đã được hình thành trong quá trình phát triển đó, nó tập hợp nhiều môn khoa học đã phát triển từ trước như: lý thuyết thông tin, điều khiển tự động, vận trù học, lý thuyết điều khiển các hệ động lực, kỹ thuật tính toán và xử lý thông tin, các phương pháp phân tích hệ thống trong kinh tế, kỹ thuật, v.v... Là một lĩnh vực khoa học mới, khoa học hệ thống đã chứng tỏ khả năng ứng dụng lớn của mình, nhưng đồng thời cũng đang đứng trước nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn rất khó khăn, cần được đầu tư nhiều lực lượng nghiên cứu để giải quyết.

2. Các mối quan hệ trong các đối tượng thực tế khác nhau dĩ nhiên là có những ý nghĩa và tính chất rất khác nhau. Để nghiên cứu những quy luật chung chi phối các mối quan hệ đó trong các đối tượng khác nhau, lý thuyết hệ thống nghiên cứu các quan hệ dưới dạng thuần túy, có tính chất khái quát và phổ biến nhất.

Quan hệ cơ bản nhất xác định hành vi của một hệ thống là quan hệ vào – ra, tức là quan hệ giữa cái vào (input) và cái ra (output) của hệ thống. Xem xét một hệ thống, trước hết là phải xem xét cách xử sự, tức là hành vi của nó, mà hành vi cơ bản nhất là quan hệ giữa cái nhận vào và cái làm ra, giữa tác động và phản ứng,..., tức là quan hệ vào – ra. Mô tả, kể cả mô tả toán học, một hệ thống, là phải mô tả cho được quan hệ vào – ra đó. Việc xác định quan hệ vào ra là cái cơ bản trong hành vi hệ thống có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất quan trọng. Về quan điểm, xét quan hệ vào – ra tức là xét chức năng hoạt động của hệ thống, đồng thời cũng là xét hệ thống trong trạng thái mở, trong sự tương đối với môi trường, chứ không phải là hệ thống khép kín. Một hệ thống bao giờ cũng là “Hệ thống” một cách tương đối, nó là hệ thống đối với các bộ phận của nó, nhưng nó lại là một bộ phận trong một hệ thống rộng lớn hơn bao gồm nó; quan hệ vào - ra của các hệ thống nhỏ xác định các quan hệ bên trong của hệ thống rộng lớn hơn và cả quan hệ vào – ra của hệ thống đó. Về mặt thực tiễn quan hệ vào – ra là cái căn cứ chủ yếu nhất để xem xét khả năng và tính hình hoạt động của một hệ thống. Thí dụ đối với một hệ thống sản xuất, thì quan hệ giữa vốn đầu tư và sản phẩm, tức là quan hệ vào – ra, phải được xem là quan trọng nhất. Đối với một người trong xã hội cũng vậy, quan hệ giữa cái anh ta nhận của xã hội và cái anh ta làm ra cho xã hội phải được xem là cơ bản nhất. Quán triệt quan điểm nhìn nhận hệ thống theo quan hệ vào – ra sẽ có ý nghĩa quan trọng trong công tác cán bộ, tổ chức và quản lý của ta hiện nay. Quản lý, hay điều khiển, một hệ thống là tìm cách tác động lên hệ thống qua “cái vào” để hướng hệ thống sản xuất được “cái ra” theo mục tiêu mong muốn.

Tuy nhiên muốn tác động lên được quan hệ vào – ra của một hệ thống, ta phải đi sâu tìm hiểu chính quá trình chuyển hóa từ cái vào đến cái ra của hệ thống, mà quá trình đó tất nhiên phải phụ thuộc vào cấu trúc bên trong của hệ thống. Cấu trúc bên trong này bao gồm một tập hợp các trạng thái và một cơ chế chuyển đổi trạng thái. Với giá trị của cái vào, hệ thống có thể sản sinh ra những giá trị khác nhau của cái ra, tùy theo hệ thống ở trạng thái nào. Khái niệm trạng thái cũng là một khái niệm rất cơ bản của lý thuyết hệ thống. Nói chung, khả năng xử lý của một hệ thống có mềm dẻo và phong phú hay không tùy thuộc vào cơ cấu trạng thái của nó có đủ đa dạng và phong phú hay không. Một hệ thống với một tập trạng thái nghèo nàn sẽ là một hệ thống cứng nhắc, khó có khả năng xoay sở và thích ứng với môi trường, và do đó khó mà tạo nên được những quan hệ “vào - ra” với hiệu quả lớn.

Đa số các hệ thống thực tế trong kinh tế - xã hội, trong tự nhiên và kỹ thuật là những hệ thống tồn tại, hoạt động và thay đổi theo thời gian. Về nguyên tắc, các hệ thống đó đều có thể được mô tả dưới dạng một hệ động lực (dynamic system), tức là một hệ thống trong đó quan hệ vào – ra tại từng thời điểm phụ thuộc vào trạng thái ở thời điểm đó, còn bản thân trạng thái của hệ thống thì biến đổi theo thời gian tuân theo một quy luật chuyển trạng thái: trạng thái ở một thời điểm sau được xác định bởi trạng thái ở thời điểm trước và lịch sử của các tác động “vào” cho đến thời điểm đó. Lý thuyết các hệ động lực là một bộ phận quan trọng nhất của lý thuyết hệ thống nói chung, cho đến nay người ta đã nghiên cứu nhiều loại mô hình toán học khác nhau của hệ động lực, và ứng dụng để tìm mô hình hệ động lực cho nhiều hệ thống khác nhau trong kỹ thuật, trong sinh học, trong sinh thái học và trong các hệ thống sản xuất, kinh tế và xã hội, kể cả các mô hình kinh tế quốc gia và toàn cầu (global). Các vấn đề lớn được nghiên cứu trong lý thuyết các hệ động lực là các vấn đề về tính thực tiễn được, tính điều khiển được, tính được quan sát, tính ổn định, và điều khiển tối ưu các hệ động lực, v.v... Thí dụ: bài toán về tính điều khiển được của một hệ động lực nghiên cứu khả năng và những điều kiện để điều khiển hệ thống từ một trạng thái này đến một trạng thái khác (mà mình muốn) bằng dãy các tác động vào chấp nhận được. Chẳng hạn, trong một hệ kinh tế, với những ràng buộc nào đó về khả năng đầu tư vốn và lao động, thì việc đưa một hệ thống từ một trạng thái này đến một trạng thái khác không phải bao giờ cũng là “điều khiển được”.

3. Một loại hệ thống được đặc biệt nghiên cứu rộng rãi trong mấy chục năm gần đây là các hệ điều khiển. Bộ điều khiển hay điều chỉnh tự động của một quá trình sản xuất, bộ não của con người, bộ máy quản lý của một xí nghiệp, bộ máy nhà nước, v.v... là những hệ điều khiển. Một hệ điều khiển bao giờ cũng hoạt động trong sự tương tác với một đối tượng điều khiển. Bản thân đối tượng điều khiển cũng là một hệ thống, với quan hệ vào – ra nào đó, thí dụ: một quá trình sản xuất, một hệ thống kinh tế, v.v... Điều khiển học phát hiện ra rằng dù đối tượng điều khiển trong những lĩnh vực khác nhau là rất khác nhau, nhưng cái chung của mọi hệ điều khiển là chúng đều thực hiện những quá trình thông tin: Mọi hệ điều khiển đều sản sinh ra thông tin điều khiển để xác lập cái vào cho đối tượng, do đó mà hướng hoạt động của đối tượng theo sự điều khiển của mình nhằm đạt tới một mục tiêu nào đó. Vấn đề xác định mục tiêu đối với các hệ điều khiển là một vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu, ở đây ta tạm thời chưa đề cập đến. Như vậy, sản phẩm

của hệ điều khiển là thông tin điều khiển, tức cũng là trật tự mà thông tin đó mang lại cho đối tượng. Khái niệm thông tin là một trong những khái niệm trọng tâm của khoa học hiện đại. Nội dung của khái niệm này mới được xác định từng phần và còn được tiếp tục nghiên cứu. Một trong những nội dung cơ bản của thông tin là nó đặc trưng cho tính trật tự và tổ chức của vật chất; thông tin là đối lập với tính bất định, ngẫu nhiên. Thông tin chứa trong chỉ thị của một người lãnh đạo là nhằm đem đến một trật tự cho đối tượng bị lãnh đạo. Một quá trình điều khiển (hay quản lý), về thực chất là một quá trình vận động thông tin, tức là một quá trình chuyển hóa tính trật tự và tổ chức của hệ thống vật chất. Vận động thông tin cũng là một dạng, một hình thái vận động của vật chất. Trên cơ sở quan điểm khoa học đó, trong mấy chục năm qua, điều khiển học ra đời và đã phát triển nhanh chóng, cho ta nhiều hiểu biết về các quy luật chung của vận động thông tin trong điều khiển cũng như các phương pháp cụ thể nhiều loại bài toán khác nhau. Như trên đã nói, sản phẩm của hệ điều khiển (tức cũng là của người quản lý, lãnh đạo) là thông tin điều khiển. Thông tin điều khiển được sản xuất ra bằng một quá trình xử lý và chế biến xuất phát từ thông tin nguyên liệu. Có thể hình dung hệ điều khiển cũng là một hệ sản xuất, nó sản xuất ra thông tin thành phẩm từ các thông tin ban đầu được sử dụng như những nguyên liệu. Chú ý rằng nó không thể đẻ ra thông tin từ cái không có gì cả (trật tự không thể đẻ ra từ cái vô trật tự, trật tự chỉ có thể được đẻ ra từ trật tự), do đó trong điều khiển và quản lý, thông tin nguyên liệu đóng vai trò hết sức quan trọng. Thông tin nguyên liệu có thể có nhiều thứ, nhưng trong đó có một thứ hết sức cơ bản, đó là thông tin về hoạt động của đối tượng điều khiển. Không biết gì về hiện trạng hoạt động của đối tượng thì không thể điều khiển được. Như vậy, quan hệ giữa hệ điều khiển và đối tượng điều khiển không phải chỉ một chiều liên hệ thuận thông qua việc truyền các thông tin điều khiển mà còn có chiều ngược truyền thông tin từ đối tượng đến hệ điều khiển. Không có liên hệ ngược thì không thể thực hiện có hiệu quả bất kỳ một hoạt động điều khiển hay điều chỉnh nào. Đó là một nguyên lý dường như rất đơn giản, nhưng tiếc thay rất ít khi được tôn trọng và chú ý đầy đủ, đặc biệt là trong các hệ thống kinh tế xã hội.

Lý thuyết thông tin, nghiên cứu mặt định lượng của thông tin bằng các phương pháp toán học, đã thu được nhiều kết quả có tác dụng lớn đối với kỹ thuật truyền tin và việc tổ chức các hệ thông tin, trong đó có những kết quả có tính chất nguyên lý. Từ định lý Shannon về mã hóa: “Với mọi kênh truyền tin có khả năng thông qua C , bao giờ cũng có thể tìm phép mã hóa đạt tốc độ truyền tin R trên kênh đó, với R gần C bao nhiêu cũng được nhưng không thể lớn hơn C ”, ta đi đến nguyên lý đa dạng “Để điều khiển một đối tượng có độ phức tạp nào đó, cơ quan điều khiển phải có khả năng đa dạng lớn hơn độ phức tạp đó, chứ không thể bé hơn”. Nói một cách nôm na, “Võ quýt dày phải có móng tay nhọn”, cái phức tạp không thể khống chế bằng cái sơ lược và đơn giản. Dĩ nhiên, để vận dụng được nguyên lý đó, điều quan trọng là phải đi sâu nghiên cứu để trong từng trường hợp, hình dung được (và nếu có thể, tính toán được) độ phức tạp và khả năng đa dạng cần phải có. Định lý Shannon còn cho ta một hiểu biết sâu sắc hơn, tương tự như nguyên lý bảo toàn vật chất và bảo toàn năng lượng, có thể gọi là nguyên lý bảo toàn thông tin, hay bảo toàn tính trật tự của vật chất: Để chuyển hóa tính trật tự từ chỗ này đến chỗ khác, hãy có một khâu nào làm mất trật tự (nhiều của kênh) thì phải được bổ sung tính trật tự ở một khâu khác (phần hiệu chỉnh của mã). Chúng ta không sáng tạo ra năng lượng, mà chỉ là

khai thác năng lượng; chúng ta cũng không sáng tạo ra thông tin (theo nghĩa rộng của từ đó), mà chỉ khai thác, chế biến và sử dụng nó.

Người ta cũng dung cho hệ thống thông tin nguyên lý về entropy tương tự nguyên lý thứ hai của nhiệt động học. Theo nguyên lý đó, một hệ thống đóng kín về thông tin, tức là không trao đổi thông tin với bên ngoài, thì entropy có xu hướng tăng, tức là độ mất trật tự, độ hỗn loạn sẽ tăng. Một hệ thống phức tạp, nếu không được điều khiển (hay khi sự điều khiển đã mất hiệu lực), thì đi tới hỗn loạn là điều khó tránh khỏi.

Nhiệm vụ của hệ điều khiển, như nói ở trên, là sản xuất ra thông tin điều khiển. Để làm được việc đó cần xác định rõ mục tiêu của sự điều khiển, cần hiểu rõ cơ cấu, khả năng và hiện trạng của đối tượng; cần thu thập đầy đủ các thông tin cần thiết, đặc biệt là thông tin liên hệ ngược; và cần có phương pháp chế biến, tức là các phương pháp giải bài toán điều khiển một cách có hiệu quả. Khoa học điều khiển mấy chục năm qua đã thu được rất nhiều kết quả phong phú về cả mấy khâu đó, tức là: mô hình hóa các đối tượng điều khiển, các phương pháp và công cụ thu thập, truyền đạt, lưu trữ và xử lý thông tin, các loại bài toán điều khiển và các phương pháp giải chúng. Về những vấn đề này, cần có những bài giới thiệu riêng, trong báo cáo này không thể đề cập cụ thể được.

Cần nhấn mạnh thêm rằng thông tin là một thuộc tính của vật chất, vận động thông tin là một hình thái của vận động vật chất. Và nếu ta xem toàn bộ hoạt động làm ra của cải xã hội trong điều kiện hiện đại như một quá trình vận động vật chất thống nhất, thì hoạt động quản lý là một khâu trong quá trình đó với chức năng là thực hiện mặt vận động thông tin của nó. Vì vậy, hoạt động quản lý không phải là đứng ngoài, mà nằm trong, không phải gián tiếp, mà là trực tiếp tham gia vào toàn bộ quá trình sản xuất ra của cải xã hội. Thông tin là trật tự, và với tư cách là trật tự, nó còn là nguồn của cải hết sức to lớn của xã hội, chúng ta phải có ý thức đầy đủ để khai thác, gìn giữ và sử dụng nó.

4. Các hệ thống thực tế mà ta gặp trong tự nhiên, trong kỹ thuật hiện đại, và đặc biệt trong kinh tế, xã hội là những hệ thống lớn và phức tạp. Lớn, và phức tạp, với ý nghĩa là có rất nhiều những nhân tố, những bộ phận tác động lẫn nhau trong những mối quan hệ rất đa dạng mà khả năng hiện tại của con người (cộng với các phương tiện hiện có) khó có khả năng xử lý và điều khiển nó một cách tập trung với tư cách là một đối tượng duy nhất. Vì vậy, tách đối tượng ra từng bộ phận và phi tập trung hóa việc điều khiển nó là một việc tự nhiên. Đối với các hệ thống sản xuất, kinh tế và xã hội, thì cơ cấu phổ biến là: đối tượng gồm nhiều bộ phận tương tác lẫn nhau, và hệ điều khiển có cấu trúc phân cấp: Cấp dưới điều khiển từng bộ phận, và cấp trên điều khiển bằng cách phối hợp, hay hiệp tác, các hoạt động của cấp dưới. Lý thuyết điều khiển phân cấp các hệ thống lớn là một lĩnh vực nghiên cứu được chú ý đặc biệt trong hơn chục năm gần đây của khoa học hệ thống. Chú ý rằng khi nói phân cấp là phân cấp hệ điều khiển, cách phân cấp tùy thuộc vào cách tách đối tượng điều khiển. Thí dụ tùy theo cách ta tách nền kinh tế quốc dân ra từng ngành như thế nào mà có thể phân cấp quản lý theo ngành tương ứng. Đối với những hệ thống như vậy, có hai đặc điểm cần hết sức chú ý: 1) đối tượng là một toàn thể thống nhất, dù

có được tách ra, thì không phải là tách được thành các bộ phận biệt lập, mà chỉ là tách một cách tương đối thành những bộ phận có tương tác (interaction) lẫn nhau; 2) hệ điều khiển được phân cấp, nhưng không phải hoàn toàn phi tập trung, nó có tính hình tháp: có các bộ điều khiển địa phương, điều khiển hoạt động của từng bộ phận và đồng thời có bộ điều khiển trung ương. Nói chung bộ điều khiển trung ương không trực tiếp điều khiển các bộ phận của đối tượng, mà đề ra các biện pháp hiệp tác sự điều khiển của các địa phương. Có hai loại mục tiêu: mục tiêu tổng thể của toàn hệ thống và mục tiêu của các địa phương. Bộ điều khiển trung ương nhằm điều khiển toàn hệ thống nhằm đạt mục tiêu tổng thể, nhưng không phải đạt được điều đó bằng sự điều khiển tập trung, trực tiếp đến đối tượng, mà phải thông qua các bộ điều khiển địa phương, do đó thông tin điều khiển của trung ương phải là các biện pháp hiệp tác, sao cho trong phạm vi ràng buộc của cá biện pháp đó, các địa phương tuy vẫn điều khiển bộ phận của mình theo mục tiêu địa phương (với những ràng buộc nói trên), nhưng một cách khách quan, trong khi các địa phương đạt được mục tiêu riêng của mình thì đồng thời toàn hệ thống cũng đạt được mục tiêu tổng thể. Nếu có những biện pháp hiệp tác như vậy, thì hệ thống được gọi là hiệp tác được. Trong phong trào “ba lợi ích” (?) hiện nay, cần chú ý là không nên xem có ba lợi ích tách rời nhau, cần đạt được cả lợi ích này và lợi ích kia, mà phải xem – không những xem mà cần có biện pháp để thực hiện được – là trong khi nhằm tới lợi ích địa phương thì đồng thời lợi ích toàn cục cũng được bảo đảm, nói cách khác là cần xác định được các biện pháp hiệp tác (cũng tức là các biện pháp khống chế) sao cho không thể thực hiện được bất kỳ lợi ích địa phương nào tổn hại đến sự thực hiện lợi ích địa phương toàn cục.

Trở lại hai đặc điểm nêu trên đối với các hệ phân cấp, ta thấy rằng để hệ thống có thể hoạt động được, thì bất kỳ biện pháp hiệp tác nào của trung ương cũng phải bảo đảm sự cân đối tương tác giữa các bộ phận. Để thực hiện điều đó, trung ương có thể chọn nhiều biện pháp hiệp tác khác nhau, nhưng tựu chung có hai phương pháp cơ bản nhất: 1) Dự báo tương tác: Trung ương đề ra các chỉ tiêu cụ thể cho các giá trị của tương tác, đã có sẵn sự cân đối, và các địa phương tính toán các bài toán điều khiển của mình tuân theo các chỉ tiêu đó; 2) Phối hợp mục tiêu (hay cũng gọi là cân đối tương tác): Trung ương không đề ra các chỉ tiêu cụ thể cho các giá trị của tương tác, mà chỉ cho giá trị của một số tham số gián tiếp, với các giá trị tham số này, mỗi địa phương sửa đổi mục tiêu của mình cho thích hợp và điều khiển bộ phận theo mục tiêu đó. Theo cách thứ hai, toàn bộ “Kế hoạch sản phẩm” của bộ phận là do địa phương quyết định. Tuy nhiên các giá trị tham số gián tiếp nói trên chỉ thực sự hợp thành biện pháp hiệp tác khi hệ thống sản phẩm cuối cùng thỏa mãn sự cân đối tương tác. Lấy thí dụ: nền kinh tế quốc dân được chia ra thành các ngành; điều khiển theo cách thứ nhất là điều khiển trực tiếp bằng các kế hoạch chỉ tiêu sản phẩm cho từng ngành, điều khiển theo cách thứ hai là điều khiển gián tiếp, chẳng hạn thông qua việc xác định hệ thống giá trị cho sản phẩm và cho nguyên liệu, chứ không giao chỉ tiêu sản phẩm cụ thể. Cả hai cách đó đều nằm trong phạm vi “kế hoạch hóa”, giá trong cách điều khiển thứ hai là giá kế hoạch, khác với giá hình thành trong thị trường tự do theo quy luật giá trị.

Một bài toán quan trọng của lý thuyết điều khiển phân cấp là bài toán về sự hiệp tác được. Với những điều khiển nào thì hệ thống là hiệp tác được? là hiệp tác được theo nguyên lý dự báo

trung tác, theo nguyên lý phối hợp mục tiêu? Nếu hệ là không hiệp tác được thì có cách sửa đổi nào để nó trở thành hiệp tác được? Cùng với bài toán hiệp tác là bài toán phân tách? Một hệ thống có thể phân tách như thế nào, phân tách thế nào, để nó trở thành hiệp tác được?

Lý thuyết về các hệ điều khiển phân cấp còn rất mới, tuy đã có một số kết quả về các loại toán nói trên, nhưng còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết. Nó hứa hẹn nhiều kết quả mới với nhiều ý nghĩa luận cũng như tác dụng thực tiễn.

5. Khoa học hệ thống và điều khiển học, do ở tính khái quát và phổ biến của các nội dung nghiên cứu của mình, có khả năng to lớn, và thực sự đã được ứng dụng rất rộng rãi trong nhiều lĩnh vực của khoa học và kỹ thuật. Việc ứng dụng chúng trong nghiên cứu các hệ kinh tế đã hình thành nên bộ môn điều khiển học kinh tế. Trong điều khiển học kinh tế, người ta sử dụng một cách rộng rãi quan điểm hệ thống, các phương pháp phân tích hệ thống, các lý thuyết về các hệ điều khiển và điều chỉnh; lý thuyết thông tin, v.v... để nghiên cứu các hệ thống kinh tế. Chú ý rằng việc ứng dụng quan điểm hệ thống và toán học trong nghiên cứu kinh tế không phải hoàn toàn mới. Có thể xem mô hình tái sản xuất và tái sản xuất mở rộng của K.Marx là một trong những mô hình toán học đầu tiên của kinh tế. Không hề có sự mâu thuẫn giữa các phương pháp “truyền thống” và các phương pháp khoa học hiện đại trong kinh tế. Kinh tế chính trị học cho ta những hiểu biết về các quy luật chung của sự phát triển kinh tế, nhưng chủ yếu là các quy luật có tính chất định tính. Các khoa học hiện đại cho ta khả năng đi sâu hơn phân tích các mối quan hệ đa dạng trong các hệ thống kinh tế một cách định lượng, và do đó giúp ta có được các biện pháp quản lý kinh tế một cách cụ thể và hữu hiệu. Không nên xem các phương pháp của toán học và điều khiển học là đứng ngoài kinh tế học, mà cần thừa nhận chúng là các phương pháp của bản thân kinh tế học hiện đại. Dĩ nhiên, chúng là các phương pháp, chứ không phải là tất cả các phương pháp, tuyệt đối hóa chúng thì cũng sai lầm không kém phủ nhận chúng.

Hiện nay, điều khiển học kinh tế đang phát triển theo các hướng sau đây:

a) Nghiên cứu mô hình toán học của các hệ thống kinh tế, bao gồm việc xây dựng các phương pháp mô hình hóa và tìm kiếm các mô hình (toán học) phản ánh cấu trúc và hành vi của các hệ thống kinh tế, các hệ điều khiển và các cơ chế điều tiết trong kinh tế. Thí dụ: các mô hình động thái phát triển kinh tế quốc dân, mô hình cân đối liên ngành, mô hình tái sản xuất, mô hình xí nghiệp,... Các mô hình kinh tế, khi nó phản ánh tương đối đúng đắn các hệ thống kinh tế, sẽ là cơ sở tốt cho phân tích các hoạt động kinh tế, và là căn cứ của việc xác định các biện pháp kinh tế.

b) Nghiên cứu về thông tin kinh tế, tức là nghiên cứu sự vận động của nền kinh tế, đặc biệt là các luồng thông tin trong hệ thống các cơ quan quản lý kinh tế, nhằm mục đích tổ chức các hệ thống thông tin kinh tế, đáp ứng nhu cầu xử lý thông tin trong việc quản lý kinh tế. Trong phần này đòi hỏi phải kết hợp các phương pháp phân tích hệ thống, thống kê toán học và khoa học kỹ thuật xử lý thông tin hiện đại.

c) Nghiên cứu các hệ thống quản lý trong kinh tế, từ việc quản lý kinh tế quốc dân đến quản lý kinh tế ở các ngành, địa phương và cơ sở. Một hệ thống như vậy bao gồm một tập hợp các nhiệm vụ quản lý kinh tế cần được giải quyết và một cơ cấu thực hiện các nhiệm vụ đó. Trên cơ sở nghiên cứu các mô hình toán học, các nhiệm vụ quản lý kinh tế như lập kế hoạch và chỉ đạo thực hiện kế hoạch, quản lý kinh tế ngành, điều khiển sản xuất xí nghiệp. v.v... cũng có thể được nghiên cứu, tuy theo mức độ dưới dạng các bài toán toán học – điều khiển học và kỹ thuật tính toán hiện đại trong lĩnh vực này nhằm tiến tới xây dựng các hệ thống quản lý tự động hóa. Sự phát triển nhanh chóng của kỹ thuật tính toán hiện nay cho ta nhiều khả năng để lựa chọn các cách thức “tự động hóa” một cách mềm dẻo và thích hợp với các trình độ và quy mô khác nhau.

Điều khiển học kinh tế có mục tiêu nhằm đưa các phương pháp toán học, điều khiển học và kỹ thuật tính toán hiện đại vào việc nghiên cứu lý luận cũng như thực tiễn quản lý kinh tế, với nội dung là tìm hiểu một cách sâu sắc các quan hệ và cấu trúc cơ bản trong các hệ thống kinh tế, phát hiện và hình thành (một cách toán học) các loại bài toán trong quản lý kinh tế, và nghiên cứu các cách thức tổ chức các hệ kinh tế trên cơ sở kỹ thuật hiện đại. Tuy nhiên, các hệ thống kinh tế là hết sức phức tạp, các quan hệ trong kinh tế nói chung không tất định (deterministic), mà chứa nhiều yếu tố ngẫu nhiên và mơ hồ, các quy luật chi phối các mối quan hệ đó không thể được diễn tả một cách chính xác như các quy luật đã biết trong cơ học và vật lý. Vì vậy, điều khiển học kinh tế đòi hỏi phải vận dụng, và nhiều khi cả sự sáng tạo mới, nhiều lý luận toán học khác nhau, như: quy hoạch toán học và tối ưu hóa, xác suất và thống kê toán học, lý thuyết trò chơi, v.v... Thực tiễn ứng dụng trong kinh tế cũng đã làm nảy sinh nhiều lý thuyết các hệ phân cấp, điều khiển nhiều mục tiêu, lý thuyết về các tập mờ (fussy sets) và vấn đề làm quyết định trong môi trường mờ, phương pháp chương trình – mục tiêu trong kế hoạch hóa, v.v... Và mặc dầu đã phát triển nhanh chóng, điều khiển học kinh tế cũng chỉ mới ở trong những bước đầu. Nhiều vấn đề khó còn ở trước mắt, nhưng tầm quan trọng của nó thì đã được khẳng định một cách chắc chắn. Quản lý kinh tế vẫn còn tiếp tục là “nghệ thuật”, nhưng với điều khiển học kinh tế, nó cũng càng ngày càng trở thành “khoa học” và “kỹ thuật” hơn, và tính khoa học không những không lấn át tính nghệ thuật mà càng tạo cơ sở cho cái nghệ thuật chân chính trong quản lý vươn cao hơn.

6. Khoa học hệ thống, cùng với các phương pháp toán học và điều khiển học, sớm đã được phát triển mạnh mẽ và ứng dụng rộng rãi trong hầu hết mọi lĩnh vực khoa học, kỹ thuật cũng như sản xuất và kinh tế, còn là nhờ con người có những công cụ tính toán và xử lý thông tin càng ngày càng có những khả năng ghê gớm. Sự phát triển nhanh chóng của kỹ thuật tính toán bằng máy tính điện tử là một trong những đặc điểm nổi bật của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện nay. Với kỹ thuật này, ngày nay con người đã có khả năng chế ngự và xử lý khối lượng thông tin khổng lồ trong nhiều lĩnh vực hoạt động của mình. Các hướng phát triển vi tính học (microinformatique) và viễn tin học (téléinformatique) đã cho ta những khả năng to lớn trong việc “tin học hóa xã hội”, và điều đó chắc chắn sẽ mang lại những đổi thay rất lớn trong cách thức tổ chức các hoạt động của xã hội.

Vấn đề này, tôi sẽ xin có một báo cáo riêng chi tiết hơn, do đó không trình bày kỹ ở đây.

II. Một số ý kiến về quản lý kinh tế

Từ nhiều năm nay, chúng ta càng ngày càng thấy rõ tình hình khó khăn về kinh tế của đất nước ta. Và khi phân tích nguyên nhân của các khó khăn đó, ta luôn chỉ ra các nguyên nhân khách quan (nên kinh tế vốn lạc hậu lại trải qua nhiều năm tàn phá của chiến tranh) và cũng càng ngày càng nói nhiều hơn về nguyên nhân chủ quan là sự yếu kém trong quản lý kinh tế của ta. Nêu ra các hiện tượng tiêu cực và phê phán, đả kích không thôi thì là một việc dễ, nhưng qua hiện tượng tìm hiểu bản chất, và từ đó tìm phương pháp khắc phục một cách tích cực thì khó gặp bội. Tất nhiên, với hiểu biết rất hạn chế của mình, tôi không có tham vọng nói về các phương hướng giải quyết đó, mà chỉ xin phép, trên cơ sở một số quan điểm khoa học nói trong phần trước, được bàn về một vài vấn đề phân tích tình hình và góp ý liên quan đến công tác tổ chức và cải tiến quản lý kinh tế hiện nay.

1. Về tình hình kinh tế nước ta trong nhiều năm qua, và đặc biệt trong 5 năm 1976-1980 vừa qua, ai cũng đều thấy xu thế khó khăn ngày càng trầm trọng. Đã có nhiều tài liệu tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, và phân tích nguyên nhân của tình trạng khó khăn của nền kinh tế nước ta. Rất rõ ràng đối với nền kinh tế nước ta trong thời gian qua, những khó khăn khách quan là cực kỳ to lớn. Nhưng có lẽ đáng bàn nhiều là đánh giá cho đúng thực trạng hiện nay và đánh giá đúng phần khuyết điểm chủ quan của chúng ta trong quản lý kinh tế. Trong văn kiện dự thảo tổng kết tình hình kinh tế có một câu kết luận ngắn gọn: “công việc của chúng ta thiếu hiệu lực”, kết luận đó là rất súc tích. Có thể nói cụ thể hơn rằng trong nhiều năm qua, nền kinh tế đã diễn biến theo xu thế mất trật tự, mất tính cấu trúc, và hỗn loạn, và sự quản lý thiếu hiệu lực của ta về khách quan đã đẩy nhanh quá trình hỗn loạn đó.

Đối tượng kinh tế là hết sức phức tạp, lại càng rất phức tạp là nền kinh tế của ta sau nhiều năm tàn phá của chiến tranh và sau khi thống nhất đất nước. Chúng ta tuy có nhiều lúc đề cập đến sự phức tạp đó, nhưng trong thực tiễn quản lý, chúng ta lại quen với cách nhìn đơn giản và sơ lược, lấy ý chí chủ quan thay thế cho khả năng thực tế, và do đó, đã “hành chính quan liêu bao cấp”, tức là đã áp đặt lên đối tượng phức tạp những kế hoạch, những biện pháp chủ quan và sơ lược. Theo “nguyên lý đa dạng”, cái sơ lược không thể khống chế được cái phức tạp, và vì vậy, sự quản lý của ta trở thành vô hiệu. Cái phức tạp, do không được điều khiển một cách có hiệu lực, thì tự nó thoát ra ngoài điều khiển, và phát triển một cách tự phát theo nguyên lý tăng entropy để đi đến trạng thái hỗn loạn là điều tất yếu. Một kế hoạch mà hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu chỉ được thực hiện dưới 50% thì rõ ràng không thể được xem là một kế hoạch có hiệu lực. Về khách quan mà nói, một kế hoạch như vậy không những không củng cố thêm tính trật tự của hệ thống, mà chỉ góp phần làm tăng thêm xu thế hỗn loạn của hệ thống. Sự khủng hoảng cấu trúc đó trong nền kinh tế nước ta được thể hiện trong một số nét sau:

- Nó làm toàn bộ hệ thống trở thành không điều khiển được: liên tục trong nhiều năm không có một kế hoạch Nhà nước nào được hoàn thành, nhiều chính sách tốt không được thực hiện vì hệ thống không còn thích hợp với việc thực hiện các chính sách đó nữa, thậm chí có một số chính sách tốt lại được thực hiện theo khía cạnh lợi dụng để “phát huy” mặt tiêu cực, v.v...

- Xu thế rệu rã trong các quan hệ của hệ thống càng ngày càng tăng, thậm chí có những mối quan hệ kinh tế trong hệ thống Nhà nước bị biến chất. Xu thế này rất nguy hiểm, nó phá vỡ từ bên trong cấu trúc hệ thống của nền kinh tế và xã hội. Biểu hiện của xu thế này là các hiện tượng tiêu cực với quy mô ngày càng lớn, đặc biệt là các hiện tượng mang tính tập thể, tính chất bộ phận, chứ không phải là cá nhân cá biệt.

- Một hệ thống vẫn giữ một vỏ ngoài thống nhất nhưng bị đục rỗng và hỗn loạn ở bên trong tạo nên cái đối trá, cái không thật trong kinh tế và từ đó, cả trong các lĩnh vực khác của xã hội. Sự điều khiển tập trung không có hiệu lực và xu thế tự giải thoát (bằng mọi mảnh lối) ra ngoài sự điều khiển đó là cơ sở vật chất của sự đối trá: từ sự đối trá trong làm ăn đến sự đối trá trong đời sống luân lý của xã hội. Sự sa sút về đạo lý này đang là một cản trở hết sức to lớn cho quá trình khôi phục trật tự của xã hội.

Nước ta đang ở trong bước đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, việc nền kinh tế gồm nhiều thành phần là tất nhiên. Nhưng rõ ràng xu thế phá vỡ tính cấu trúc và hệ thống trong bản thân thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa là điều đáng lo ngại nhất. Phải khôi phục được tính cấu trúc của hệ thống, trong đó mọi quan hệ được xác lập và được biểu hiện một cách chân thực, để trên cơ sở đó ta có một hệ thống có thể điều khiển được. Mặc dù có những nguyên nhân từ bên ngoài, nhưng về cơ bản, các yếu tố phá vỡ tính hệ thống lại nằm trong bản thân hệ thống đó, nên rõ ràng để khắc phục được tình hình, cần có những biện pháp mạnh để tự thay đổi tổ chức của hệ thống, và tiến lên nữa, cần xây dựng được một kiểu hệ thống mà tự trong cơ cấu của nó có đủ sức mạnh để tự tổ chức, tự chọn lọc và loại bỏ những yếu tố cản trở sự phát triển của mình.

2. Nghị quyết đại hội lần 4 của Đảng đã đề ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời kỳ quá độ. Và chúng ta luôn khẳng định rằng đường lối đó là hoàn toàn đúng đắn và sáng tạo. Những khuyết điểm liên tiếp trong quản lý kinh tế là do không biết vận dụng đúng đắn đường lối đó. Tôi e rằng kết luận như vậy là có phần sơ lược. Vấn đề đáng được đặt ra để suy nghĩ là: thế nào là một đường lối? phải chăng một đường lối phải đủ phong phú để chứa trong bản thân nó những hướng dẫn cơ bản cho việc vạch ra quỹ đạo đi tới mục tiêu? Trong điều kiện của ta, hệ thống định đường lối không tách rời hệ thống quản lý và chỉ đạo, vì vậy làm sao có thể hiểu được có một sự tách rời ghê gớm giữa tính đúng đắn và sáng tạo của đường lối với tình trạng đình đốn của nền kinh tế mà một phần do quản lý và chỉ đạo mang lại? Nghiên cứu đường lối xây dựng kinh tế mà Đại hội 4 đã vạch ra, chúng ta thấy rõ mấy nét sau đây:

- Trong đường lối, đã nêu ra mục tiêu và thời hạn đạt mục tiêu của sự phát triển kinh tế của nước ta (xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ..., làm cho nước Việt nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công – nông nghiệp hiện đại, văn hóa khoa học tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh và hạnh phúc. Phần đầu hoàn thành về cơ bản quá trình đó trong khoảng 20 năm).

- Trong đường lối đã vạch rõ một số quan hệ cơ bản nhất xác định cấu trúc của hệ thống kinh tế nước ta trong thời kỳ quá độ (5 quan hệ cơ bản: cơ cấu công – nông nghiệp, kinh tế trung ương – kinh tế địa phương, phát triển lực lượng sản xuất – hoàn thiện quan hệ sản xuất, kinh tế - quốc phòng, hợp tác quốc tế), đồng thời xác định phương hướng phát triển các quan hệ đó trong thời kỳ quá độ, đặc biệt là quan hệ “ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý...”

Chúng ta thử hình dung thế này: nền kinh tế của ta là một hệ động lực (dynamic system), ta có thể xác định được trạng thái hiện tại; mục tiêu nói trong đường lối là trạng thái cuối mà ta muốn đạt tới sau một thời gian (quá độ - khoảng 20 năm) hệ động lực đó phải vận động để chuyển được trạng thái hiện tại đến trạng thái cuối nói trên trong thời hạn quy định. Trong “đường lối” đã nói đến một số nét cơ bản về cấu trúc của hệ động lực đó trong quá trình vận động. Tuy nhiên, có hai câu hỏi cốt yếu cần được giải đáp: 1) có thực tồn tại hay không một quỹ đạo dẫn hệ động lực từ trạng thái hiện tại đến trạng thái cuối nói trên trong thời gian vài chục năm? 2) Nếu có thì cần chọn quỹ đạo nào và những tác động điều khiển nào cần được áp dụng để đưa hệ động lực vận động theo quỹ đạo đó? Ta biết rằng một đường lối đúng không phải là một đường lối có những mục tiêu đẹp đẽ, mà còn phải là (hay chủ yếu là) có khả năng thực hiện được. Có nhiều lý do để nghĩ rằng lời giải đáp cho hai câu hỏi nói trên không phải là hiển nhiên. Về kinh tế, nước ta thuộc loại chậm phát triển với thu nhập bình quân tính theo đầu người không quá 100 đô la, tốc độ tăng thu nhập quốc dân trong nhiều năm không quá 5 – 6%; theo nghiên cứu của nhiều nhà kinh tế học (dĩ nhiên bao giờ cũng cần tham khảo với thái độ phê phán) thì những nước loại đó khó có khả năng tiến lên trình độ phát triển trong vòng hai mươi năm. Cũng chú ý rằng thực tế phát triển của chính chúng ta trong 5 năm qua không những không bác bỏ được luận điểm này, mà trái lại. Nói như vậy không có nghĩa là câu hỏi 1) nhất thiết phải trả lời phủ định, nhưng để có được câu trả lời khẳng định thì rõ ràng các tác động điều khiển mà ta cần chọn lựa phải rất mạnh, chứ không thể bình thường được.

Ta hình dung trực tiếp một cách chi tiết hơn. Giả sử ta có thể mô tả hệ động lực “nền kinh tế” của ta theo kiểu một mô hình kinh tế lớn (macroeconomy), trong đó:

- Cái ra (output) của hệ thống là tổng sản phẩm xã hội từng năm tính gộp cho toàn thể cũng như tính riêng cho từng ngành hoặc từng khu vực kinh tế.

- Trạng thái hệ thống tại một thời điểm (có thể tính cho từng năm) là tình trạng lực lượng sản xuất của xã hội tại thời điểm đó bao gồm phương tiện sản xuất và sức lao động tính gộp cho cả hệ thống cũng như cho từng ngành hay khu vực kinh tế. Như vậy, cái ra của hệ thống là “hàm” (function) của trạng thái của nó.

- Cái vào (input) nói chung, và các biến điều khiển (control variables) nói riêng, bao gồm các giá trị về: tỷ lệ đầu tư từng năm trong bản thân nền kinh tế (phân sản phẩm xã hội dành cho việc đầu tư vào mỗi ngành), đầu tư các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các nguồn đầu tư từ nước ngoài vào nền kinh tế (thông qua chính sách đối ngoại), v.v... Tất cả các đại lượng nói trên đều là đại lượng “động”, nghĩa là thay đổi theo thời gian. Hệ động lực của ta được mô tả đầy đủ nếu

ta xác định được hàm chuyển trạng thái của hệ thống, và qua đó, quan hệ vào – ra của hệ thống. Và khi đó, các câu hỏi 1) và 2) nêu trên sẽ có thể được nghiên cứu và giải đáp một cách có khoa học hơn. Mục tiêu “có một nền kinh tế công – nông hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến, v.v...” cần phải được biểu diễn (tuy không đầy đủ) dưới dạng một giá trị của “cái ra” của hệ thống, tức là một bộ giá trị biểu diễn số lượng sản phẩm xã hội. Quỹ đạo mà ta nói ở trên là một chuỗi diễn biến tình trạng lực lượng sản xuất của xã hội. Phải đạt đến một trình độ phát triển nào đó của lực lượng sản xuất thì mới thực hiện được mục tiêu nói trên. Một đường lối phải đủ phong phú để có thể hình dung được một quỹ đạo đưa ta đến mục tiêu bằng cách chọn lựa thích hợp các giá trị cho “cái vào”, tức là cho các biến điều khiển. Trong trường hợp này, đó là phương hướng lớn xác định các tỷ lệ đầu tư trong nền kinh tế, chính sách khoa học – kỹ thuật, chính sách kinh tế đối ngoại, v.v...

Nếu có điều kiện nghiên cứu, ta có thể thử xây dựng đầy đủ một số mô hình kiểu nói trên để làm căn cứ cho việc xét các bài toán lớn đặc biệt là bài toán “điều khiển được” của hệ thống. Tuy nhiên với cách xem xét vấn đề như trên ta cũng có thể sơ bộ thấy rõ một vài điều sau đây: nếu quá trình chuyển trạng thái của nền kinh tế vẫn ở nhịp độ như từ mấy năm nay, hoặc có nhích lên ít nhiều, thì việc đạt được mục tiêu “một nền kinh tế công – nông hiện đại,...” trong vòng 20 năm tới là không thể thực hiện được. Để có thể đạt tới mục tiêu đó, cần có những biện pháp biến đổi cực kỳ lớn đối với trạng thái của nền kinh tế. Những nhân tố điều khiển nào có thể gây nên những biến đổi đó? Phải chăng trong từng thời gian cần tập trung đầu vào một vài “then chốt” để có thể tạo nên sức mạnh bùng nổ cho sự chuyển trạng thái của hệ thống? Những biện pháp kinh tế đối ngoại (và do đó, chính sách đối ngoại) nào có thể góp phần tạo ra cái sức mạnh bùng nổ cần thiết đó? Tất nhiên, những vấn đề này đòi hỏi phải được nghiên cứu công phu, với khả năng của mình và với những thông tin mà mình có được, tôi không dám có tham vọng đưa những kiến nghị cụ thể. Tuy vậy, xin phép được “giải thử” bằng cách xét vài ví dụ như sau: Hiện nay, trong sản xuất công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng và cả trong một số ngành công nghiệp, chúng ta đang có một lực lượng lao động rất lớn, và tuy không mạnh, nhưng vẫn có được một vốn đáng kể các phương tiện sản xuất chưa khai thác tốt. Bằng các chính sách và biện pháp quản lý thích hợp, ta có thể (và thực tế, đang) động viên tốt hơn lực lượng vốn có này để làm thêm nhiều sản phẩm. Những việc tăng thêm này còn có tính cục bộ, địa phương, không vững chắc, và chưa tạo nên được tác động đáng kể cho việc chuyển trạng thái của toàn hệ thống. Trong điều kiện đó, giao thông vận tải và thông tin liên lạc là một “then chốt” cần được tập trung giải quyết. Giao thông vận tải và thông tin liên lạc tạo nên sự liên kết mạnh các bộ phận, gây nên sức trội tổng hợp cho toàn thể nền kinh tế, và kích thích sự liên kết đó, làm tăng thêm sự phong phú của cấu trúc bên trong, tức là tăng thêm độ đa dạng của toàn bộ nền kinh tế, do đó tạo khả năng chuyển trạng thái một cách phong phú hơn. Một thí dụ khác: như mọi người đều biết và hy vọng, nếu việc thăm dò dầu khí đã cho những hiệu quả khả quan, thì việc tập trung đầu tư để giải quyết nhanh việc sản xuất dầu – khí hẳn sẽ là một “then chốt” có thể tạo nên sức mạnh làm chuyển trạng thái một cách tích cực. Hai thí dụ đó cho ta hình dung hai cách tác động điều khiển: một loại tác động chuyển trạng thái do khai thác sức trội tổng hợp của những tiềm năng hiện có, một loại tác động chuyển trạng thái do khai thác một sức mạnh mới chưa có sẵn trong nền kinh tế.

3. Ta luôn nói kế hoạch hóa là khâu trung tâm của hệ thống quản lý kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa. Từ nhiều năm nay chúng ta luôn tự kiểm điểm rằng công tác kế hoạch hóa của ta ở trong tình trạng yếu kém. Đã có nhiều hội nghị và ý kiến đề xuất những biện pháp khắc phục, nhưng cho đến nay việc chuyển biến vẫn còn rất chậm chạp. Cũng như đối với nhiều lĩnh vực khác, đối với công tác kế hoạch, chúng ta thường đề ra những biện pháp cơ bản, toàn diện và đầy đủ quá, toàn diện và đầy đủ đến nỗi rồi chúng ta cũng không biết nên bắt đầu làm việc gì và tập trung sức giải quyết những khâu gì. Chúng ta đều biết rằng ngay cả đối với những nước xã hội chủ nghĩa phát triển có nền kinh tế đã tương đối ổn định, việc làm kế hoạch cũng còn rất khó khăn và phức tạp, huống hồ gì đối với nước ta đang trong bước đầu của thời kỳ quá độ, nền kinh tế còn nhiều biến động, việc làm kế hoạch lại càng khó khăn phức tạp hơn nhiều. Do đó việc nghiên cứu một cách sâu sắc hơn tính quy luật, nội dung và phương pháp của kế hoạch hóa trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ lại càng có ý nghĩa quan trọng, từ đó mà tìm ra cách khắc phục tình hình hiện nay, không phải bằng hàng trăm biện pháp – biện pháp nào cũng nghe rất logic – mà bằng một số ít biện pháp tập trung, có khả năng và điều kiện thực hiện được. Theo hướng suy nghĩ đó, tôi xin có một vài ý kiến như sau:

- Chúng ta đã nhận định rất có lý rằng chỗ yếu nhất và thiếu sót lớn nhất trong công tác kế hoạch hóa của ta là chưa biết vận dụng đúng đắn đường lối của Đảng và các quy luật kinh tế. Trong đoạn trên đã phân tích vấn đề “đường lối”. Đường lối chỉ cho ta mục tiêu dài hạn và các phương pháp cơ bản để dựa theo đó mà vạch quỹ đạo đi tới mục tiêu. Vận dụng đường lối trong công tác kế hoạch hóa là phải dựa vào mục tiêu dài hạn và phương hướng đó để xây dựng dần chuỗi các mục tiêu trung gian và từng phần quỹ đạo cho từng giai đoạn kế hoạch. Các mục tiêu ngắn hạn là nhằm dần đến mục tiêu dài hạn, nhưng đồng thời trong công tác kế hoạch hóa, việc dựa vào mục tiêu dài hạn có tính thực hiện được để định ra chuỗi các mục tiêu ngắn hạn có thể thực hiện được là căn cứ rất quan trọng cho việc xây dựng các kế hoạch thực tế (chứ không phải là những kế hoạch viển vông để đạt những mục tiêu ảo tưởng).

Trong thời gian vừa qua, tính không thực tế và thiếu khoa học của những mục tiêu dài hạn mà ta định ra đã ảnh hưởng lớn đến việc xác định các mục tiêu ngắn hạn, tạo ra cho công tác kế hoạch hóa khó khăn lớn và khoảng cách giữa các mục tiêu không thực tế và khả năng thực hiện, dễ đi đến mất phương hướng trong việc định những mục tiêu có thể thực hiện được.

- Trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ, nền kinh tế nước ta còn gồm nhiều thành phần, do đó còn bị chi phối một cách phức tạp bởi nhiều loại quy luật kinh tế khác nhau. Trong tình hình đó, nền kinh tế chưa đủ cơ sở khách quan cho sự thống trị hoàn toàn của quy luật phát triển một cách có kế hoạch và cân đối, vì vậy chưa thể nói đến việc làm kế hoạch một cách đầy đủ đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Thực tế, ta chỉ có thể làm kế hoạch đối với các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa mà thành phần này cũng luôn bị tác động và có ảnh hưởng qua lại với các thành phần kinh tế khác và với thị trường thế giới, nên khả năng làm kế hoạch lại càng bị thu hẹp. Trong giai đoạn hiện nay, nhà nước thực hiện chức năng quản lý kinh tế của mình bằng các biện pháp kế hoạch hóa và các biện pháp khác, và ngay trong kế hoạch hóa cũng cần có những mức độ khác nhau với tính mềm dẻo thích hợp. Trong nhiều năm qua, ta thường có tham vọng

làm những kế hoạch đầy đủ với những chỉ tiêu chi tiết cho rất nhiều thứ sản phẩm xã hội, ta làm kế hoạch cho cả những thứ mà thực sự chưa thể có kế hoạch được. Ta muốn nắm bắt tất cả, nhưng vì muốn nắm cả những cái không thể nắm, nên kết quả là ngay những cái có thể nắm được cũng tuột khỏi tay ta.

- Bây giờ ta thử phân tích một cách chi tiết hơn như sau: Giả sử ta xét nền kinh tế là một hệ động lực như mô tả trong đoạn 2 nói trên, trong đó “cái vào” là các chỉ tiêu đầu tư cho các ngành kinh tế, “cái ra” là sản phẩm xã hội, và trạng thái của hệ thống là tình trạng lực lượng sản xuất của xã hội cùng sự phân bố lực lượng đó trong các ngành kinh tế. Đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, thì nhà nước chưa thể kế hoạch hóa bằng cách quy định trực tiếp các giá trị của “cái vào – cái ra” của nó, mà phải quản lý hành vi “vào - ra” của nó bằng những biện pháp khác ngoài phạm vi kế hoạch hóa. Đối với thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa (để đơn giản vấn đề, ta tạm thời giả sử chỉ xét khu vực kinh tế quốc doanh), ta xem nó là một hệ thống gồm nhiều ngành (hoặc nhiều địa phương) có quan hệ tương tác lẫn nhau. Hệ thống kế hoạch hóa đối với thành phần này là một hệ điều khiển phân cấp, có kế hoạch trung ương và kế hoạch ngành, cơ sở. Kế hoạch là gì? Đối với toàn bộ hệ thống, đó là việc quy định các giá trị cho “cái vào” và “cái ra” của toàn hệ thống kinh tế cũng như các giá trị tương tác giữa các ngành của nó (tương tác giữa các ngành thể hiện tỷ lệ đầu tư của ngành này vào ngành kia trong nền kinh tế) – xin xem lại đoạn nói về hệ điều khiển phân cấp trong phần I. Tuy nhiên, cần nhớ rằng một kế hoạch như vậy phải là sản phẩm của cả hệ thống kế hoạch hóa, tức là của cả hệ điều khiển phân cấp bao gồm trung ương và các ngành, địa phương và cơ sở. Nếu trung ương giành cho mình quyền quy định toàn bộ kế hoạch như vậy (và thực tế không thể làm được) thì tức là tập trung quan liêu. Ta nhớ rằng trong các hệ điều khiển phân cấp, bài toán cơ bản của trung ương là hiệp tác, trong đó thường sử dụng các nguyên lý dự báo tương tác và phối hợp mục tiêu. Trong trường hợp nay, dự báo tương tác có nghĩa là quy định chỉ tiêu sản phẩm cho các ngành, kể cả chỉ tiêu đầu tư ngành này đến ngành khác; còn phối hợp mục tiêu là một cách kế hoạch hóa gián tiếp bằng các quy định không phải các chỉ tiêu sản phẩm, mà quy định chẳng hạn, giá bán nguyên liệu và giá bán buôn sản phẩm trong các ngành của khu vực kinh tế nhà nước. Phối hợp việc sử dụng cả hai nguyên lý dự báo tương tác và phối hợp mục tiêu trong công tác kế hoạch hóa ở cấp trung ương tức là phối hợp cả hai cách kế hoạch hóa trực tiếp (quy định chỉ tiêu đầu tư và chỉ tiêu sản phẩm) với kế hoạch hóa gián tiếp (chẳng hạn quy định giá), cũng tức là vận dụng một cách kết hợp quy luật phát triển một cách có kế hoạch và cân đối với quy luật giá trị trong phạm vi kinh tế xã hội chủ nghĩa. Từ các chỉ tiêu đó (đầu tư, sản phẩm, giá) các ngành và cơ sở sẽ xác định kế hoạch của mình, tức là xác định trực tiếp các thành phần “vào - ra” thuộc phạm vi của mình.

Để phá vỡ tình trạng tập trung quan liêu từ lâu nay, để phát huy tính chủ động sáng tạo của các ngành, địa phương và cơ sở, thì rõ ràng đối với cấp trung ương, cần tăng cường hơn các biện pháp kế hoạch hóa gián tiếp bằng các chính sách về giá (giá nói ở đây là giá được kế hoạch hóa, kết quả của việc vận dụng quy luật giá trị trong phạm vi kinh tế xã hội chủ nghĩa, khác với giá trong thị trường “tự do”). Ngoài ra, dĩ nhiên cần sử dụng tốt các cơ chế điều tiết bằng tài chính – ngân hàng – tín dụng, v.v...

Đối với các ngành kinh tế phi xã hội chủ nghĩa còn tồn tại trong một giai đoạn, nghĩa là trong giai đoạn đó còn có thị trường “tự do”, thì các biện pháp kinh tế mà nhà nước áp dụng gồm hai loại: a) với tư cách là một thể thống nhất, thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa tham gia vào cuộc đấu tranh trong thị trường “tự do” đó, và bằng tính ưu việt của mình sẽ khống chế nó; b) áp dụng các biện pháp tài chính – ngân hàng..., tức là các chính sách thuế và cho vay vốn kinh doanh, v.v...

- Từ sự phân tích trên đây, đối chiếu với tình hình hiện nay của công tác kế hoạch hóa và quản lý kinh tế, tôi thấy có một số vấn đề cần được lưu ý như sau:

a) Trong công tác kế hoạch hóa ở trung ương, cần chọn một cách thích đáng và vừa phải phạm vi kế hoạch hóa trực tiếp bằng cách quy định chỉ tiêu sản phẩm, và cần tăng cường việc nghiên cứu cơ sở khoa học của các biện pháp kế hoạch hóa gián tiếp, đặc biệt là các quy luật hình thành giá.

b) Căn cứ vào các thông tin điều khiển có tính chất “hiệp tác” của cấp trên, các ngành và cơ sở xây dựng kế hoạch của mình. Khi xây dựng kế hoạch đó, dĩ nhiên cơ sở có quyền chọn một phần quan hệ “vào - ra” (vốn đầu tư – sản phẩm) của mình, nhưng kế hoạch của cơ sở là một kế hoạch thống nhất. Việc gán đây nhiều xí nghiệp làm “ba kế hoạch” hay “kế hoạch ba phần” tương ứng với “ba lợi ích” là nguy hiểm. Một xí nghiệp quốc doanh là một đơn vị trong thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, vấn đề kết hợp lợi ích chung và lợi ích riêng phải được giải quyết bên trong thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa đó, chứ không phải được giải quyết bằng cách biến một đơn vị quốc doanh thành một đơn vị kinh tế vừa quốc doanh, vừa tư doanh (nếu như thế thì cái tư lẫn át cái công sẽ là tất nhiên, và việc dĩ công vi tư cũng là điều khó tránh khỏi).

c) Cũng từ đó, trong việc đấu tranh với thị trường “tự do”, toàn bộ thành phần kinh tế nhà nước phải là một thể thống nhất, một bên duy nhất, chứ không phải mỗi xí nghiệp, với kế hoạch phần 3 của mình, đưa sản phẩm ra thị trường “tự do” để tham gia như một nhà tư sản. Như vậy nghĩa là sản phẩm của xí nghiệp quốc doanh nhất thiết phải thông qua thương nghiệp quốc doanh mà đưa ra thị trường “tự do”, chứ không được đưa ra một cách tùy tiện. Việc giải quyết lợi ích như thế nào cho thỏa đáng nằm trong khuôn khổ của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa bằng những chính sách quy định mối quan hệ “buôn bán” giữa các xí nghiệp đối với thương nghiệp quốc doanh.

4. Nhân bàn đến các vấn đề nói trên, xin phép được trình bày cụ thể hơn một số ý kiến về các vấn đề đang sôi nổi hiện nay là “ba lợi ích” và khoán sản phẩm.

Từ lâu trong quản lý kinh tế, do không vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội và do một số quan điểm sai lầm khác, chúng ta đã coi thường việc tôn trọng lợi ích vật chất của cá nhân người lao động trong hoạt động sản xuất và kinh tế, vì vậy đã làm tê liệt một phần quan trọng động lực phát triển của nền sản xuất xã hội. Những chính sách trong mấy năm gần đây đặt lại vấn đề này, quan tâm một cách chính thức và đầy đủ lợi ích cá nhân người lao

động, và đề ra nguyên tắc kết hợp ba lợi ích trong tổ chức và quản lý kinh tế là hết sức đúng đắn, và do đó trả lại cho nền sản xuất xã hội một động lực chân thực của nó.

Tuy nhiên có một số vấn đề cần được làm sáng tỏ hơn.

Trước hết là từ “ba lợi ích”, tức là muốn nói đến lợi ích toàn xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân người lao động. Về bản chất đây là quan hệ giữa toàn cục và bộ phận, giữa mục tiêu tổng thể và mục tiêu cục bộ, giữa lợi ích chung và lợi ích riêng. Tuy ta xét hệ thống nào mà có cái “chung” và cái “riêng” tương đối với hệ thống đó. Nếu xét nền kinh tế quốc dân gồm nhiều đơn vị sản xuất và kinh doanh thì cái chung là toàn xã hội, cái riêng là từng xí nghiệp hoặc hợp tác xã; nếu xét hệ thống là hợp tác xã gồm nhiều xã viên thì cái chung là hợp tác xã, cái riêng là từng gia đình hoặc cá nhân xã viên. Vì vậy, tuy trật tự có thể gồm nhiều cấp, nhưng về bản chất quan hệ lợi ích là quan hệ hai cấp, giữa toàn bộ và cục bộ. Từ “ba lợi ích” là thích hợp trong trật tự xã hội – hợp tác xã – xã viên; nhưng không thích hợp lắm, và do đó dễ đi đến nhầm lẫn trong trật tự: xã hội – xí nghiệp quốc doanh – công nhân. Trong trật tự đầu, quả là có ba lợi ích, vì hợp tác xã là một đơn vị kinh tế có sở hữu riêng về tư liệu sản xuất cũng như các tài sản khác, do đó có lợi ích riêng – đó là quyền sở hữu tập thể hay lợi ích tập thể. Còn trong trật tự thứ hai, tuy các xí nghiệp có một số quyền tương đối độc lập trong sản xuất và kinh doanh, nhưng vẫn là một đơn vị kinh tế nhà nước nằm trong sở hữu toàn dân; xí nghiệp quốc doanh không phải là sở hữu của tập thể cán bộ công nhân viên trong xí nghiệp đó, mà là sở hữu của toàn xã hội, do đó ở đây nói đến lợi ích tập thể thì phải cần thận trọng. Mặc dầu có một số ý kiến như trên, để cho tiện, dưới đây ta vẫn dùng từ “ba lợi ích”.

Thứ hai là từ kết hợp. Từ này là hết sức quan trọng, ta sẽ phân tích kỹ hơn. Tuy nhiên, cần nói ngay rằng gần đây nhiều nơi đã quên mất từ đó, do đó đáng lẽ nói kết hợp ba lợi ích, thì chỉ còn nói “ba lợi ích”, và rồi trong thực tế tách rời ba lợi ích đó để chỉ thực hiện lợi ích cá nhân mà thôi.

Một vấn đề: cơ sở khoa học của việc kết hợp ba lợi ích là gì? Tôi nghĩ rằng cơ sở khoa học của nguyên tắc đó là quy luật kinh tế cơ bản quá chủ nghĩa xã hội và các nguyên lý điều khiển phân cấp các hệ thống phức tạp.

Quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội là quy luật về sự mở rộng và hoàn thiện không ngừng nền sản xuất trên cơ sở kỹ thuật tiên tiến với mục đích nhằm thỏa mãn đầy đủ nhất những nhu cầu ngày càng tăng của sự phát triển toàn diện của mọi thành viên xã hội. Như vậy quy luật này xác định lợi ích toàn xã hội của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là nhằm đem đến lợi ích cho mọi người trong xã hội đó. Theo quy luật đó, quan hệ lợi ích toàn xã hội và lợi ích cá nhân người lao động trong chế độ xã hội chủ nghĩa là quan hệ giữa cái cho mọi người và cái cho một người, hay nói cách khác, giữa cái cho người lao động trừu tượng, nói chung và cái cho một người lao động cụ thể, đơn nhất. Quy luật đó là cơ sở của sự nhất trí, hay đúng hơn, của khả năng hiệp tác được giữa lợi ích toàn xã hội và lợi ích của từng cá nhân người lao động.

Trong một phần trên ta đã nói về hệ điều khiển phân cấp đối với nền kinh tế. Trong hệ phân cấp này, nhà nước trung ương muốn điều khiển nền kinh tế đạt tới mục tiêu là lợi ích toàn xã hội; trong khi đó, mỗi thành viên điều khiển hoạt động của mình nhằm đạt tới lợi ích cụ thể của mình. Trung ương điều khiển không trực tiếp mà bằng các biện pháp hiệp tác, đặc biệt là bằng biện pháp phối hợp mục tiêu. Với các biện pháp hiệp tác do trung ương đề ra, mỗi thành viên điều chỉnh mục tiêu của mình và hoạt động để nhằm đạt mục tiêu đó. Như vậy, do các biện pháp hiệp tác của trung ương, mục tiêu lợi ích toàn xã hội được gắn vào mục tiêu lợi ích của thành viên, và các thành viên trong khi nhằm đạt tới mục tiêu riêng đó của mình, về khách quan là đã tham gia thực hiện mục tiêu lợi ích toàn xã hội. Sự tồn tại của các biện pháp hiệp tác của trung ương, về nguyên tắc là được bảo đảm bởi khả năng hiệp tác được suy ra từ quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

Trên cơ sở phân tích nói trên, ta thấy rằng việc thực hiện nguyên tắc kết hợp các lợi ích phải được tiến hành sao cho trong hoạt động thực tiễn của từng xí nghiệp, từng đơn vị kinh tế, chỉ có một mục tiêu, một kế hoạch. Thực hiện kế hoạch đó là đạt mục tiêu riêng, đồng thời cũng đạt mục tiêu chung do cấp trên quy định. Sự kết hợp các lợi ích được thể hiện trong kế hoạch thống nhất và mục tiêu thống nhất đó, chứ không phải với mỗi lợi ích lại có một kế hoạch tương ứng, và do đó xí nghiệp có ba kế hoạch hay kế hoạch ba phần. Làm sao để kết hợp được một kế hoạch thống nhất như vậy, và làm sao cho mục tiêu chung cũng đồng thời đạt được khi người ta hướng đến mục tiêu riêng? Đó là tăng cường một cách có hiệu lực các biện pháp hiệp tác của trung ương đối với các cơ sở. Do đó, để thực hiện nguyên tắc kết hợp ba lợi ích, thì cần tăng cường, chứ không phải buông lỏng, sự quản lý theo kế hoạch của trung ương. Chỉ có điều là tăng cường nắm chắc những cái định nắm và có thể nắm, chứ không phải nắm một cách tràn lan, nắm cả những cái không thể nắm và không nên nắm.

Khuyến khích lợi ích vật chất đối với người lao động là rất cần được chú ý, nhưng cần giải quyết trong sự kết hợp nói trên, chứ không phải bằng cách để xí nghiệp quốc doanh và công nhân nhà nước hoạt động vô tổ chức trong thị trường “tự do”.

Xem là có ba lợi ích tách rời, buông lỏng quản lý (bằng hiệp tác) của trung ương, và kêu gọi suông về sự thực hiện ba lợi ích, thì kết quả chỉ có thể là sự ăn cắp lợi ích toàn xã hội để chạy theo việc thỏa mãn lợi ích (cả những lợi ích không chính đáng) của cá nhân. Đó cũng là một xu hướng đang đục rỗng cơ cấu hệ thống của nền kinh tế - xã hội chúng ta hiện nay, cần được ngăn chặn mạnh mẽ và có hiệu quả hơn.

Hiện nay, đang có “phong trào” mở rộng “ba lợi ích” sang cả những lĩnh vực không phải là sản xuất và kinh tế như văn hóa, giáo dục, y tế. Ta tưởng tượng xem xã hội ta sẽ biến thành cái gì khi một người thầy thuốc đối xử vô trách nhiệm với tính mạng của bệnh nhân trong bệnh viện nhà nước và chạy theo việc kiếm tiền trong việc chữa bệnh tư (với phương tiện và thuốc men từ đâu?), một người thầy giáo đáng kính dạy dỗ trách ở nhà trường và chạy theo việc dạy tư cũng học trò đó với thu nhập hơn lương chính thức hàng chục lần? Xã hội ta không thể tổ chức

việc chữa bệnh và dạy học tốt hơn, và để cho thầy thuốc và thầy giáo có đồng lương sống được để khỏi bị hư hỏng hay sao?

Khác với vấn đề kết hợp ba lợi ích trong phạm vi kinh tế quốc doanh, việc kết hợp ba lợi ích bằng hình thức khoán sản phẩm đến người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp có nhiều mặt tích cực hơn. Thực tế đây là thực hiện một sự phân công lao động trong phạm vi hợp tác xã phù hợp với trình độ lạc hậu về kỹ thuật của nền sản xuất nông nghiệp của chúng ta hiện nay. Như vậy là, từ những ảo tưởng mang tính chất ý chí luận về một nền sản xuất lớn một cách vội vã, chúng ta đã trở về với thực tế, nhìn nhận tình trạng lạc hậu của nền sản xuất nông nghiệp nước ta, và trong tình trạng đó thì các hình thức sản xuất nhỏ còn có ý nghĩa tích cực của nó. Trong điều kiện như vậy, rõ ràng đó là một chủ trương rất đúng đắn. Do “khoán sản phẩm”, sản lượng nông nghiệp được tăng thêm, đó là một điều rất đáng mừng. Tuy nhiên, cũng cần chú ý rằng việc tăng sản lượng vừa qua do chủ trương khoán sản phẩm mang lại chủ yếu mới là thu được từ việc tăng thời gian lao động và cường độ lao động, chứ chưa phải là vì tăng năng suất lao động.

Trong hình thức khoán hiện nay, quá trình sản xuất được chia thành nhiều khâu, hợp tác xã đảm nhiệm các khâu làm đất, giống, phân, trừ sâu, thủy lợi và khoán đến người lao động các khâu gieo cấy, chăm bón, thu hoạch. Điều đáng suy nghĩ là vừa qua nói chung, các khâu khoán được thực hiện tích cực, còn các khâu do tập thể làm vẫn còn mang nhiều yếu tố tiêu cực. Tuy có theo dõi ít nhiều tình hình, nhưng chưa có điều kiện phân tích kỹ hơn, nên tôi không dám lạm bàn sâu hơn về vấn đề này. Chỉ xin nói một ý kiến là hiện nay, hình thức khoán sản phẩm là cần thiết, nhưng do tính bấp bênh, thiếu vững chắc của nó, nên chưa thể yên tâm xem đó là một biện pháp hoàn chỉnh. Có một hình thức tạm thời thích hợp không có nghĩa là đã có cách tiến lên cho tương lai. Nhấn mạnh “ý nghĩa cách mạng” của hình thức này e rằng là một điều quá đáng.

5. Để làm chuyên biến tình hình hiện nay, chúng ta đã thấy rõ rằng một trong những yếu tố quan trọng có tính chất quyết định là phải đổi mới công tác tổ chức và quản lý của ta, trong đó những vấn đề hàng đầu là: đề cao và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; cải tiến công tác tổ chức và công tác cán bộ. Trong đoạn này xin góp một số ý kiến về vấn đề đó.

Tập trung dân chủ là một nguyên tắc có tính khoa học rất cao trong việc tổ chức các hệ thống quản lý và trong thực tiễn tiến hành công tác quản lý. Những quan điểm mới của điều khiển học hiện đại cho những hiểu biết sâu sắc hơn nội dung khoa học của nguyên tắc đó, và do đó góp phần giúp cho ta một cách nhìn và cách vận dụng nguyên tắc đó một cách hiệu quả hơn trong thực tiễn.

Trong một đoạn ở phần I, ta đã giới thiệu về các hệ điều khiển. Hệ điều khiển hoạt động trong quan hệ với đối tượng điều khiển. Nhiệm vụ chủ yếu của hệ điều khiển là sản xuất ra các quyết định, tức là các thông tin điều khiển để tác động lên, tức là để chỉ huy, đối tượng. Để sản xuất được thông tin điều khiển, nó phải tiến hành một quá trình thu thập, xử lý chế biến thông tin. Đối tượng không phải chỉ nhận thông tin điều khiển từ hệ điều khiển, mà còn cung cấp cho

hệ điều khiển các thông tin về hiện trạng của mình – phản ánh sự phản ứng của mình đối với sự tác động của thông tin điều khiển – bằng con đường liên hệ ngược (feedback). Chính nhờ những thông tin liên hệ ngược này mà hệ điều khiển luôn luôn kiểm tra được chất lượng các thông tin điều khiển, cải tiến và hoàn thiện thông tin điều khiển của mình, làm cho các quyết định phù hợp với khả năng thực hiện của đối tượng, tạo nên sự cân đối hài hòa giữa hoạt động của hệ điều khiển và đối tượng điều khiển. Trong các hệ kỹ thuật, các hệ sinh học, cũng như trong các hệ thống kinh tế và xã hội, ở đâu có hoạt động điều khiển, thì ở đó liên hệ ngược luôn luôn là yếu tố cần thiết một cách sống còn đối với hệ thống điều khiển đó.

Nguyên tắc tập trung dân chủ trong việc quản lý các hệ thống kinh tế xã hội thể hiện một cách cô đọng mối quan hệ nói trên giữa hệ điều khiển (hệ quản lý) và đối tượng điều khiển trong nền kinh tế xã hội. Tập trung là quyền tập trung làm quyết định của hệ điều khiển, chỉ có hệ điều khiển làm quyết định, chứ đối tượng không thể tham gia một cách trực tiếp trong việc làm quyết định. Dân chủ được thể hiện trong dòng liên hệ ngược, dân chủ là quyền tác động của liên hệ ngược đối với hệ điều khiển trong việc điều chỉnh, cải tiến quyết định của mình. Trong hoạt động cụ thể của việc làm quyết định không thể có sự bình đẳng hoàn toàn giữa người lãnh đạo và người bị lãnh đạo. Mặt khác, người lãnh đạo không tôn trọng “dân chủ” không biết đến liên hệ ngược thì dễ để ra những quyết định sai lầm, xa thực tế, và do đó không thực hiện được.

Một trong những đặc điểm quan trọng của liên hệ ngược là làm cho độ lệch giữa các chỉ tiêu quyết định và kết quả của thực hiện của đối tượng được thu hẹp dần, tức là làm nâng cao hiệu lực thực tế của các quyết định, và cũng tức là bảo đảm tính ổn định, cân bằng của toàn bộ hệ thống điều khiển – bị điều khiển.

Các hệ thống kinh tế và xã hội có đặc điểm là sự tham gia của con người, ở đây việc tách ra hệ điều khiển và đối tượng điều khiển chỉ là tương đối, các thành viên của hệ điều khiển cũng đồng thời là thành viên nói chung trong xã hội, tức là thuộc đối tượng điều khiển; mặt khác các thành viên của đối tượng cũng có thể được chọn vào hệ điều khiển. Điều đó làm cho trong các hệ thống xã hội, dân chủ không thể đơn thuần là mối liên hệ ngược thụ động, mà dân chủ phải là quyền tác động tích cực của liên hệ ngược đối với hệ điều khiển trong việc làm ra các thông tin điều khiển, và cả trong việc thay đổi cách thức hoạt động và cấu trúc của hệ điều khiển, nếu cần.

Nói tóm lại, nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế - xã hội được thể hiện trên hai mặt:

- Quyền tập trung làm quyết định của hệ điều khiển. Người lãnh đạo phải có toàn quyền quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong nhiệm kỳ lãnh đạo của mình.

- Quyền dân chủ, tức là quyền tác động tích cực của liên hệ ngược từ đối tượng điều khiển đến hệ điều khiển. Bằng liên hệ ngược, đối tượng, trong khi thực hiện quyết định, có trách nhiệm và có quyền phản ánh tình hình, xem xét và đánh giá chất lượng của các quyết định, đòi hỏi sự cải tiến hoặc thay đổi bản thân cơ cấu của hệ điều khiển, định kỳ lựa chọn lãnh đạo của hệ điều khiển.

Như vậy, tập trung và dân chủ phải được gắn liền với nhau một cách hữu cơ. Nếu không tập trung, tức là không ai có quyền và có trách nhiệm đầy đủ về việc làm quyết định, thì có dân chủ cũng vô ích, mà thực ra khi có “dân chủ” chỉ có thể là một sự bình đẳng vô trách nhiệm. Mặt khác, sự tập trung muốn có hiệu lực thì phải đi liền với tăng cường dân chủ, tức là có liên hệ ngược đầy đủ, thì sự tập trung mới có thể ra được các quyết định cân đối hài hòa với khả năng thực hiện, do đó củng cố tính ổn định và bền vững của hệ thống. Tập trung mà không dân chủ, tức là không cần tính đến liên hệ ngược, thì luôn luôn có nguy cơ làm tăng độ lệch giữa mệnh lệnh và khả năng thực hiện mệnh lệnh, dẫn đến tình trạng một bên là sự tập trung chuyên chế và vô hiệu, một bên là xu thế cưỡng lại và thoát ra khỏi sự chuyên chế đó, kết quả cuối cùng sẽ là sự sụp đổ và hỗn loạn của hệ thống.

Tập trung dân chủ là một nguyên tắc, một chế độ tổ chức và quản lý xã hội. Các ý kiến nêu trên chỉ là một vài ý kiến tìm hiểu nguyên tắc đó từ quan điểm điều khiển học.

Chúng ta chưa thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong việc tổ chức và quản lý kinh tế xã hội nước ta, đó là điều mọi người đều thấy. Nguyên nhân của tình hình đó hẳn là nhiều mặt và phức tạp. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ về thực chất là một nội dung cơ bản trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Tiếp tục sự phân tích nói trên, dưới đây tôi xin góp một vài ý kiến nhằm thực hiện tốt hơn nguyên tắc đó trong điều kiện hiện nay:

- Thứ nhất, nói về tập trung. Ngoài những yếu tố về truyền thống, lịch sử, về tâm lý xã hội, v.v... muốn sử dụng tốt quyền tập trung thì phải có năng lực. Tập trung là quyền làm quyết định, muốn giữ được quyền quyết định thì phải có năng lực làm quyết định. Đó là năng lực thực hiện quá trình xử lý thông tin, từ khâu thu thập, chọn lựa thông tin cho đến khâu cơ bản nhất là xử lý, chế biến để sản xuất ra thông tin quyết định. Hiện nay trong hệ thống của ta, rất nhiều khâu có chức trách tập trung làm quyết định nhưng chưa có năng lực tương ứng, thậm chí chưa nhận thức đầy đủ sự cần thiết có năng lực đó. Có quyền mà không có sức tương ứng, thì hoặc không dám sử dụng quyền đó, hoặc sử dụng một cách bừa bãi. Do đó, để thực hiện tốt sự tập trung thì phải nâng cao năng lực ở những khâu làm quyết định và phải có thể chế để thay thế những yếu tố không có năng lực thích hợp tại những khâu đó.

- Để thực hiện quyền dân chủ, phải xây dựng tốt hệ thống liên hệ ngược trong xã hội. Trước hết, đó là các hệ thống thông tin kinh tế - xã hội, có khả năng phản ánh một cách khách quan và trung thực tình trạng hoạt động kinh tế và xã hội. Đó cũng là hệ thống các phương tiện thông tin phản ánh mọi ý kiến, nguyện vọng và cả mọi phản ứng của quần chúng đối với các quyết định của các cơ quan lãnh đạo. Và sau nữa, đó cũng còn là các thể chế xã hội bảo đảm quyền tác động của các loại thông tin liên hệ ngược này trong việc điều chỉnh các quyết định, thay đổi cơ cấu và bộ máy làm quyết định khi cơ cấu cũ không còn năng lực làm quyết định một cách thích hợp nữa.

- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ là một cuộc đấu tranh khó khăn và phức tạp về mặt xã hội. Sức mạnh của quyền lực tập trung trong thực tiễn quản lý và sức mạnh của liên hệ ngược trong việc tác động lên cơ quan tập trung quyền lực đó không có gì mâu thuẫn nhau, mà ngược lại, chúng hợp thành một khả năng thống nhất của toàn xã hội trong sự phát triển cân đối và ổn định của mình. Tuy nhiên cần chú ý rằng hệ thống kinh tế - xã hội là một hệ thống động, do đó hệ quản lý phải có khả năng biến đổi và thích nghi với tính chất “động” đó. Sự ổn định và bền vững của toàn bộ hệ thống động nói trên trong sự phát triển của nó đòi hỏi khả năng thay đổi một cách mềm dẻo cơ cấu làm quyết định. Sức mạnh tập trung và khả năng thay đổi đó kết hợp với nhau là một bảo đảm có tính năng động và tính hiệu quả của quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nền dân chủ chân chính phải là một nền dân chủ có đủ hiệu lực để trong một giai đoạn, một thời điểm, bảo đảm cho xã hội khả năng lựa chọn những cơ quan tập trung quyền lực có năng lực nhất.

- Như ta đã thấy, việc làm quyết định là cả một quá trình phức tạp về thu thập, lựa chọn, khai thác xử lý và chế biến thông tin. Để làm những việc đó, cần có bộ máy quản lý giúp cho người lãnh đạo. Muốn bảo đảm quyền tập trung quyết định của người lãnh đạo, thì lẽ tự nhiên là phải đảm bảo cho người lãnh đạo quyền chọn lựa và tổ chức bộ máy quản lý giúp việc mình. Trong hệ thống của chúng ta hiện nay có một hệ các cơ quan chuyên trách về tổ chức. Các cơ quan này đáng lẽ có trách nhiệm giúp việc các thủ trưởng tương ứng trong công tác tổ chức và bố trí cán bộ, thì trong rất nhiều trường hợp, nếu không nói là tất cả, lại biến thành các cơ quan có quyền quyết định việc sắp xếp tổ chức và bố trí cán bộ. Ta tưởng tượng xem, một người lãnh đạo làm việc với một bộ máy không do mình lựa chọn thì làm sao còn có thể phát huy được năng lực tập trung làm quyết định? Vì thông thường các cơ quan chuyên trách về tổ chức không hiểu biết đầy đủ về chuyên môn, nên tiêu chuẩn mà họ bố trí cán bộ sẽ không nhất thiết là khả năng thực hiện nhiệm vụ, đó cũng là điều dễ hiểu.

Để thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, để bảo đảm cho việc cải tiến quản lý có hiệu quả, công tác tổ chức và cán bộ cần được cải tiến sao cho mọi cương vị lãnh đạo đều luôn luôn có khả năng được thay đổi, hay định kỳ được thay đổi; đồng thời khi một người đang ở một cương vị lãnh đạo nào đó thì có toàn quyền (và chịu hoàn toàn trách nhiệm) trong việc quyết định thuộc phạm vi của mình, kể cả việc có quyền quyết định tổ chức bộ máy và bố trí cán bộ trong phạm vi đó.

Công tác tổ chức và cán bộ bao giờ cũng có một sức quán tính rất lớn, không dễ dàng chịu sự thay đổi. Huống hồ ở ta, quan niệm về sắp xếp ngôi thứ và tôn ti trật tự còn nặng, nhất là khi cái trật tự ngôi thứ đó lại được khẳng định bởi những công hiến, nhiều trường hợp là rất vĩ đại, trong quá khứ. Và lịch sử cũng đã từng dạy ra rằng cái vĩ đại đó có thể nâng cánh cho một sức mạnh mới trỗi dậy và bay lên, nhưng đồng thời cũng có thể đè xuống chính chúng ta một sức nặng như sức nặng của núi đá mà thần Dớt để xuống đôi vai Prômê-tê. Thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ là một bảo đảm sao cho mọi cái vĩ đại sẽ mãi mãi được kính trọng và biết ơn, đồng thời mọi sức mạnh và năng lực mới có điều kiện vươn lên trong những trách nhiệm mới mà không có bất kỳ một giới hạn nào cản trở.

6. Trong các đoạn nói trên, tôi đã cố gắng sử dụng một số quan điểm và thành tựu mới của khoa học hệ thống để nhìn nhận và phân tích một số vấn đề cơ bản trong tình hình và nhiệm vụ quản lý kinh tế của ta hiện nay. Như đã nói từ đầu, do chưa có đầy đủ những thông tin cần thiết, nên các ý kiến nói trên, dù đã được chọn lọc và trình bày một cách cẩn thận, vẫn mới chỉ là những phát thảo sơ lược. Nhiều ý kiến mới chỉ có tính chất đặt vấn đề, muốn đi đến những kiến nghị có ích thời gian cần phải đầu tư thêm nhiều công sức nghiên cứu. Và chẳng, những trình bày nói trên chưa có tính chất hệ thống, do đó rõ ràng là còn phiến diện.

Tuy nhiên, trình bày những phân tích và suy nghĩ đó, tôi chỉ mong góp phần làm rõ thêm một vấn đề: cải tiến công tác tổ chức và quản lý kinh tế - xã hội của nước ta, các ngành khoa học và kỹ thuật hiện đại có khả năng và cần thiết được sử dụng một cách rộng rãi và có hiệu quả hơn. Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật, các ngành khoa học đã có những bước tiến lớn, cung cấp cho con người nhiều quan điểm và phương pháp mới trong việc nhận thức và cải tạo thế giới. Với xu thế nhất thể hóa khoa học, các ngành khoa học về kinh tế và xã hội đang ngày càng đổi mới với sự thâm nhập ngày càng sâu rộng của các thành tựu khoa học và kỹ thuật hiện đại.

Ở đây, tôi không đi sâu vào các đề nghị về việc phát triển một cách cơ bản và lâu dài các ngành khoa học và kỹ thuật phục vụ cho công tác cải tiến tổ chức và quản lý kinh tế, mà chỉ xin nêu một vài kiến nghị về việc tổ chức thực hiện một số công việc cấp thiết nhất có ý nghĩa thời sự và thực tiễn đối với công tác cải tiến tổ chức và quản lý kinh tế của ta hiện nay:

a) Nước ta đang trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu lại trải qua nhiều năm chiến tranh ác liệt. Đồng thời, ta cũng trải qua giai đoạn đầu đó trong điều kiện tồn tại hệ thống xã hội chủ nghĩa và trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật đã và đang phát triển mạnh mẽ, mang lại những thay đổi rất cơ bản trong lực lượng sản xuất và cả trong các quan hệ xã hội ở quy mô toàn thế giới. Việc tập hợp các ngành khoa học của ta đặc biệt là sự kết hợp các ngành khoa học xã hội và một số ngành khoa học, kỹ thuật hiện đại để nghiên cứu sự vận động của các quy luật kinh tế xã hội, nghiên cứu các loại mô hình phát triển kinh tế xã hội có trong những tình hình nói trên là điều có ý nghĩa quan trọng đối với việc xác định các chiến lược kinh tế cũng như các chính sách kế hoạch xây dựng và phát triển kinh tế. Các quan điểm và phương pháp của khoa học hệ thống hiện đại phải được ứng dụng rộng rãi hơn trong các lĩnh vực nghiên cứu kinh tế để góp phần thực hiện nhiệm vụ đó.

b) Chúng ta cần chọn ra một số vấn đề cấp thiết nhất có ý nghĩa “then chốt” đối với công tác cải tiến tổ chức và quản lý kinh tế hiện nay để tập trung lực lượng thực hiện, và cố gắng giải quyết cho có hiệu quả để trên cơ sở đó mà triển khai dần việc áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại trong công tác quản lý kinh tế.

Thí dụ: nghiên cứu mô hình toán học của các cơ chế điều tiết trong nền kinh tế ở giai đoạn đầu thời kỳ quá độ, các mô hình về cơ chế giá và các phương pháp hình thành giá, các hệ điều

kiến phân cấp bằng cơ chế giá trong điều kiện hiện nay; tổ chức và xây dựng (trên cơ sở kỹ thuật hiện đại) các hệ thống thông tin kinh tế của nhà nước, nghiên cứu về mặt thông tin cơ cấu tổ chức hợp lý của bộ máy nhà nước và các bộ máy quản lý kinh tế hiện nay .v.v...

c) Quản lý là nghệ thuật. Nhưng ngày nay, quản lý cũng là (và càng ngày càng là) khoa học và kỹ thuật. Muốn cải tiến quản lý phải đầu tư xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết cho công tác quản lý. Nhà nước cần quan tâm nhiều hơn và có chính sách cụ thể xây dựng và phát triển ngành xử lý thông tin của nước ta. Đây không phải chỉ là một ngành khoa học, mà đã là một ngành kỹ thuật, và cũng là một ngành kinh tế. Không phải chỉ ở các nước phát triển, mà cả ở nhiều nước đang phát triển, ngành này đã được đưa vào hàng các ngành được ưu tiên phát triển. Thông tin là tài nguyên quý giá của quốc gia. Cần phát triển ngành xử lý thông tin để có khả năng khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên đó.

Về vấn đề quan trọng này, tôi xin có một báo cáo riêng, trình bày một cách cụ thể và chi tiết hơn.

Công tác quản lý kinh tế và xã hội trong điều kiện hiện đại là cực kỳ phong phú và phức tạp. Dù đã được phát triển hết sức nhanh chóng, các ngành khoa học hiện nay cũng chưa đủ khả năng để lý giải tất cả mọi vấn đề và tìm kiếm mọi phương pháp mà công tác đó đòi hỏi. Tuy nhiên rõ ràng là chỉ với kinh nghiệm và năng khiếu bẩm sinh, chỉ với những ý muốn tốt đẹp và những phương pháp cổ điển, chúng ta không thể cải tiến công tác đó một cách có hiệu quả. Việc áp dụng các thành tựu của khoa học kỹ thuật hiện đại, đặc biệt là các quan điểm, phương pháp và công cụ của điều khiển học hệ thống chắc chắn sẽ góp phần tích cực vào nhiệm vụ cực kỳ to lớn và phức tạp là cải tiến công tác quản lý kinh tế và xã hội của ta hiện nay. Tôi xin được bày tỏ niềm tin đó để kết thúc bài báo cáo có tính chất sơ bộ này.

Tháng 7. 1981.

Phan Đình Diệu.